TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **Tỉnh Hậu Giang**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 11 – 2017.
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Tải

2. Ông Hồ Thanh Trí

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Mỹ Á - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Út E (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp S, xã Th, huyện C, tỉnh G.

2. Bị đơn: Anh Trần Hoàng N (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp S, xã Th, huyện C, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lâm Thị Út E trình bày: Chị và anh N kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Xuân vào năm 1997. Thời gian đầu anh chị chung sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2015 thì anh Nam thất nghiệp rồi bỏ về quê ở xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang sinh sống, bỏ lại một mình chị trên thành phố Hồ Chí Minh. Chị đã nhiều lần khuyên anh N lên thành phố Hồ Chí Minh làm cùng chị nhưng anh N không chịu nên từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 8/2015 đến tháng 8/2016 anh N có lên thăm chị vài lần rồi từ tháng 8/2016 đến nay thì anh N không lên thăm chị cũng không hề điện thoại hỏi thăm chị, không quan tâm chăm sóc chị, bỏ mặc chị tại thành phố Hồ Chí Minh tự

làm ăn sinh sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể nào hàn gắn, hôn nhân giữa chị và anh N không thể kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hoàng N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- ***Bị đơn anh Trần Hoàng N trình bày:*** Anh thống nhất với lời trình bày của chị Út E về thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Trong quá trình chung sống cảm thấy vợ chồng vẫn hạnh phúc. Tháng 8/2015 do anh thất nghiệp không có việc làm nên anh về quê làm vườn sinh sống, sau đó anh có lên thành phố Hồ Chí Minh thăm Út E được vài lần. Từ tháng 8/2016 đến nay do giận Út E tết về nhà cha mẹ ruột mà không về nhà anh nên từ đó anh giận không lên thăm, cũng không điện thoại hỏi thăm Út E nữa, và vợ chồng cũng không gặp nhau hơn một năm nay. Tuy nhiên, vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt, anh vẫn còn rất yêu thương vợ và muốn tiếp tục sống chung với Út E, cùng tạo lập cuộc sống gia đình, anh mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với Út E nên không đồng ý ly hôn với Lâm Thị Út E.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị Lâm Thị Út E vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Hoàng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Anh Trần Hoàng N và chị Lâm Thị Út E tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 1998. Từ tháng 8/2015 đến nay anh N không quan tâm chăm sóc chị Út E và vợ chồng cũng đã sống ly thân với nhau đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lâm Thị Út E có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hoàng N. Xét đây là vụ án Xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị Út E, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Lâm Thị Út E và anh Trần Hoàng N tồn tại hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 quyển số T198 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị Út E và anh Trần Hoàng N được xem là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo chị Út E cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn

dẫn đến ly hôn là do năm 2013 anh N và chị Út E chung sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, đến tháng 8 năm 2015 anh N trở về quê sinh sống đến nay bỏ mặc chị tại thành phố Hồ Chí Minh tự làm ăn sinh sống, không quan tâm chăm sóc cũng không điện thoại hỏi thăm chị, chị đã nhiều lần khuyên anh N lên thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục làm việc, hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng anh N không đồng ý, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Út E yêu cầu được ly hôn với anh N. Phía anh N thì cho rằng, tháng 8/2015 anh thất nghiệp nên anh trở về quê làm vườn sinh sống thời gian đầu còn liên lạc với chị Út E, sau đó anh giận chị Út E không về nhà anh nên không liên lạc với Út E nữa, tuy nhiên trong thời gian chung sống với Út E vợ chồng vẫn hạnh phúc, chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt, bản thân anh vẫn rất yêu thương vợ và muốn tiếp tục sống chung với Út E, cùng tạo lập cuộc sống gia đình, anh mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với Út E nên không đồng ý ly hôn với Lâm Thị Út E,

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã hòa giải, động viên, phân tích để anh N và chị Út E hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng phía chị Út E vẫn cương quyết xin ly hôn, không muốn đoàn tụ gia đình, không muốn chung sống cũng như hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh N. Về phía anh N có nguyện vọng hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị Út E nhưng trong suốt thời gian từ tháng 8/2016 anh N chị Út E sống ly thân đến nay đã trên một năm anh N cũng không có biện pháp hay động thái gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng, chị Út E cũng đã nhiều lần khuyên bảo anh N trở lên thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục chung sống với chị Út E nhưng anh N vẫn không lên. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Út E và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Út E là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Lâm Thị Út E phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Út E.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lâm Thị Út E được ly hôn với anh Trần Hoàng N.

3. Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị Út E phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí chị Út E đã đóng theo biên lai thu số 0011123 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Út E đã nộp xong.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 06/11/2017.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Châu Thành A;
- THADS H. Châu Thành A;
- UBND xã Thạnh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Thúy Hường